

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố năm 2024 theo chuẩn nghèo quốc gia áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg);

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Thực hiện Văn bản số 1935/LĐTBXH-VPQGGN ngày 10/5/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát và gửi dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2024,

Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố năm 2024 theo chuẩn nghèo quốc gia áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổng hợp, phân loại và lập danh sách chi tiết các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2025; đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2024 của thành phố và địa phương.

- Thu thập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hướng dẫn xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 để làm căn cứ xác định đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế theo Luật Bảo hiểm y tế;

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình phải thực hiện đúng quy trình, bảo đảm trung thực, khách quan, công khai, minh bạch.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

- Toàn bộ các hộ gia đình trên địa bàn thành phố.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

III. CHUẨN NGHEÒ

Áp dụng theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; cụ thể:

1. Các tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

2. Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản

a) Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ): việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin.

b) Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số): việc làm, người phụ thuộc trong hộ gia đình, dinh dưỡng, bảo hiểm y tế, trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em, chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở bình quân đầu người, nguồn nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông, phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

3. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025

3.1. Chuẩn hộ nghèo

a) Khu vực nông thôn: là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Khu vực thành thị: là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

3.2. Chuẩn hộ cận nghèo

a) Khu vực nông thôn: là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Khu vực thành thị: là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

3.3. Chuẩn hộ có mức sống trung bình

a) Khu vực nông thôn: là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

b) Khu vực thành thị: là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

IV. PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT

1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện thông qua phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình thực hiện thông qua phương pháp khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 và Điều 1 Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Phương pháp thu thập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo hướng dẫn tại Công văn số 1935/LĐTBXH-VPQGGN ngày 10/5/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

V. QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

2. Thu thập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo hướng dẫn tại Công văn số 1935/LĐTBXH-VPQGGN ngày 10/5/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VI. PHÚC TRA KẾT QUẢ RÀ SOÁT

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có ý kiến khiếu nại của người dân về kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, Ban Chỉ đạo rà soát cấp trên tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát ở những địa bàn cần thiết. Danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình được niêm yết công khai tại Nhà Văn hóa thôn, tổ dân phố và trên hệ thống loa phát thanh của địa phương để nhân dân biết, trước khi Ủy ban nhân dân cấp xã làm thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

VII. TỔNG HỢP, BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo hoặc Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kèm theo hệ thống mẫu, biểu báo cáo theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

VIII. THỜI GIAN TIẾN HÀNH

1. Dự kiến từ ngày 05/9 đến ngày 20/9/2024

- Tổng hợp hệ thống văn bản, hệ thống chỉ tiêu rà soát, lập phiếu rà soát..., tài liệu nghiệp vụ hướng dẫn rà soát, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố năm 2024, hướng dẫn thu thập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Tập huấn cho lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể liên quan của thành phố, lãnh đạo Ủy ban nhân dân các quận, huyện, lãnh đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, cán bộ liên quan đến rà soát, thu thập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024.

2. Từ ngày 21/9 đến ngày 20/11/2024

Các quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát cho các xã, phường, thị trấn và tiến hành rà soát theo quy trình, công cụ hướng dẫn ở địa phương; tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở các địa phương; Tổ chức thu thập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội **trước ngày 07/11/2024** để tổng hợp kết quả sơ bộ, báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Từ ngày 21/11 đến ngày 27/11/2024

Các quận, huyện báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về

giảm nghèo trên địa bàn về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Từ ngày 27/11 đến ngày 09/12/2024

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

IX. KINH PHÍ

Kinh phí sự nghiệp cho việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 được cấp theo Quyết định số 771/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp xã hội năm 2024.

X. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo;

Xây dựng, chuẩn bị phiếu rà soát, các tài liệu nghiệp vụ hướng dẫn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; hướng dẫn sử dụng kinh phí rà soát; đề xuất thành lập Tổ giám sát rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; chỉ đạo, giám sát việc rà soát; kiểm tra, phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở cơ sở; tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Cục Thống kê thành phố

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn Chi cục Thống kê phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện có hiệu quả kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa phương.

3. Sở Tài chính

Giao Sở Tài chính cấp kinh phí và tổng hợp quyết toán theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí, Cổng thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và quần chúng Nhân dân về tầm quan trọng, mục đích, ý nghĩa của Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

Phối hợp với các tổ chức thành viên tuyên truyền, phổ biến, vận động Nhân dân, đoàn viên và các hội viên tham gia lực lượng rà soát. Phát huy vai trò của Ban Công tác Mặt trận và các chi hội đoàn thể, Ban Thanh tra Nhân dân, Tổ tự quản tại thôn, tổ dân phố trong tham gia rà soát và giám sát bảo đảm công khai, minh bạch về quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn thành phố.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

6.1. Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện như sau:

- Chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 trên địa bàn; hướng dẫn nghiệp vụ quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn; Tổ chức thu thập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Phân công rõ trách nhiệm cho các phòng, ban liên quan, có xác định thời gian cụ thể đáp ứng tiến độ của kế hoạch.

- Thành lập Tổ giám sát rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; thực hiện nghiêm túc quy trình rà soát; đánh giá đúng thực chất công tác giảm nghèo của địa phương.

6.2. Tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia đăng ký khảo sát nếu nhận thấy hộ gia đình mình đáp ứng các tiêu chuẩn.

6.3. Huy động các nguồn lực và nguồn ngân sách hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và thu thập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa phương, triển khai các hoạt động sử dụng kinh phí do thành phố hỗ trợ đảm bảo đúng nội dung, tiết kiệm, hiệu quả.

6.4. Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

6.5. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6.6. Tổng hợp, lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo mẫu) phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia báo cáo báo cáo theo quy định.

6.7. Quản lý, theo dõi biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn quận, huyện. Trường hợp có phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm hoặc

hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm thì thực hiện rà soát theo đúng quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021, Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6.8. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã.
- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.
- Xây dựng kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Triển khai thu thập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- Tổ chức huy động lực lượng rà soát viên thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo quy định, thu thập cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bảo đảm sự chuẩn xác, công khai, minh bạch, không để xảy ra khiếu nại về kết quả rà soát.
- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.
- Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo quy định. Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo mẫu) phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo theo quy định.
- Tổ chức xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình.
- Tổ chức thực hiện cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào phần mềm quản lý làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hằng năm.

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng Văn bản về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- TTTU; TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tại mục X;
- CPVP;
- Các Phòng: VX, TH, NC&KTGS;
- Lưu: VT, LĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Khắc Nam